

CURRENT SITUATION AND SOME MEASURES TO IMPROVE THE QUALITY OF NATIONAL DEFENSE AND SECURITY EDUCATION FOR THAI NGUYEN UNIVERSITY STUDENTS NOW

Tran Hoang Tinh

TNU - Center for National Defense and Security Education

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>Received: 02/02/2024</p> <p>Revised: 14/5/2024</p> <p>Published: 14/5/2024</p>	<p>The development trend of the 4.0 technology revolution requires educational institutions in general and national defense and security education centers in particular to renew teaching methods to be suitable with the general development of the times. First of all, teaching methods need to be renewed towards modern teaching methods with the application of information technology. The main methods used in this research include document research, analysis and synthesis method, investigation and logic method. Research results on the current status of information technology application activities at the Center for National Defense and Security Education - Thai Nguyen University show that there are still many limitations that need to be overcome. Thereby, we have proposed a number of measures to apply information technology in teaching, to contribute to improving the quality of defense and security education for Thai Nguyen University students, meeting education innovation requirements today.</p>
<p>KEYWORDS</p> <p>Information technology Application National defense education Security Students</p>	

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN HIỆN NAY

Trần Hoàng Tinh

Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận bài: 02/02/2024</p> <p>Ngày hoàn thiện: 14/5/2024</p> <p>Ngày đăng: 14/5/2024</p>	<p>Xu hướng phát triển của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 đòi hỏi phương pháp dạy học trong các cơ sở giáo dục nói chung và tại các trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh nói riêng cần có sự đổi mới để phù hợp với sự phát triển chung của thời đại. Trước hết là việc đổi mới về phương pháp giảng dạy - hướng đến phương pháp giảng dạy hiện đại, trong đó coi trọng việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Các phương pháp chính được sử dụng trong nghiên cứu gồm: phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp điều tra và phương pháp logic. Kết quả nghiên cứu thực trạng hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh Đại học Thái Nguyên cho thấy, còn nhiều hạn chế cần phải khắc phục. Qua đó, chúng tôi đã đề xuất một số biện pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục quốc phòng và an ninh cho sinh viên Đại học Thái Nguyên, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.</p>
<p>TỪ KHÓA</p> <p>Công nghệ thông tin Ứng dụng Giáo dục quốc phòng An ninh Sinh viên</p>	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9672>

Email: tinhth@tnu.edu.vn

1. Mở đầu

Sự phát triển của công nghệ thông tin (CNTT) đang tác động mạnh mẽ đến nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, trong đó có giáo dục và đào tạo. Ứng dụng CNTT đã trở thành xu thế tất yếu và có ảnh hưởng sâu sắc đến việc nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nêu rõ: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại;... Đẩy mạnh ứng dụng CNTT và truyền thông trong dạy và học” [1].

Trong công tác quản trị nhà trường, đó là ứng dụng CNTT mạnh mẽ để số hóa thông tin quản lý, tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các công nghệ 4.0 (trí tuệ nhân tạo, công nghệ chuỗi khối, phân tích dữ liệu,...) để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ ra các quyết định một cách nhanh chóng, chính xác [2].

Một trong số các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục là thực hiện bồi dưỡng kỹ năng cần thiết trong chuyển đổi số cho nhân sự của cơ sở giáo dục. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số góp phần đảm bảo tiến trình chuyển đổi số nhanh, hiệu quả và bền vững. Trường đại học cần đào tạo kỹ năng chuyển đổi số, công nghệ số, dịch vụ số, kinh doanh số... Nhân lực nòng cốt cần phải phát huy việc ra quyết định dựa trên dữ liệu để dẫn dắt, tổ chức và lan tỏa, góp phần phát triển văn hóa dữ liệu trong tổ chức [3].

Đa số các trường đại học mới bắt đầu triển khai sử dụng phần mềm hỗ trợ dạy, học trực tuyến thông qua các ứng dụng như Zoom, Google Hangouts Meet, Webex, Microsoft Teams. Một số trường chưa triển khai hoặc chưa sẵn sàng cho việc tổ chức đào tạo trực tuyến đối với sinh viên hệ chính quy và mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp tài liệu để sinh viên tự học. Do đó, khó khăn chung mà các trường đại học đang gặp phải là cơ sở hạ tầng, trang thiết bị chưa đầy đủ và đồng bộ, thiếu học liệu phù hợp cho mục tiêu chuyển đổi số của giáo dục đại học [4], [5].

Tác giả Nguyễn Danh Nam và Phạm Thị Phương Thảo [6] nhận thấy, nếu bài toán về hạ tầng mạng, thiết bị và giải pháp công nghệ không được đáp ứng đầy đủ, bài toán về chuyển đổi năng lực của giảng viên (GV) không được giải quyết, trải nghiệm học tập trên môi trường số đối với cả GV và người học có thể trở thành nguy cơ làm giảm chất lượng đào tạo. Vì vậy, cần có các giải pháp giúp các trường đại học thực hiện chuyển đổi số thành công, thay đổi nhận thức và tư duy của nhà quản lý, GV, người học;... từ đó từng bước nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số quốc gia.

Nhằm nâng cao công tác giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN), Chính phủ đã phê duyệt đề án ứng dụng CNTT trong GDQP&AN, với mục tiêu “*Triển khai hệ thống CNTT thông suốt, kịp thời, thuận tiện, an toàn trong hệ thống Hội đồng GDQP&AN các cấp và các trung tâm GDQP&AN nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện GDQP&AN cho học sinh, sinh viên, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng, phổ biến, tuyên truyền kiến thức quốc phòng và an ninh cho toàn dân*” [7].

CNTT đã dần chứng minh được vị trí, vai trò, tầm quan trọng và sức ảnh hưởng đối với quá trình giảng dạy các môn học nói chung và môn GDQP&AN nói riêng. Ứng dụng CNTT vào giảng dạy môn học GDQP&AN là một trong nhiều phương pháp góp phần nâng cao năng lực giảng dạy của GV; từng bước nâng cao chất lượng dạy và học [8].

Hiện nay phương pháp dạy học (PPDH) tại Trung tâm GDQP&AN Đại học Thái Nguyên (Trung tâm), cơ bản vẫn theo lối truyền thống “lấy người dạy làm trung tâm” dựa trên quá trình tích lũy kiến thức từ giáo trình và bài giảng của người thầy. Trong suốt khóa học, sinh viên (SV) càng ghi nhớ được nhiều kiến thức càng tốt, vì bài kiểm tra, bài thi đánh giá bằng khả năng “ghi nhớ” mà chưa chú trọng đến khả năng “vận dụng kiến thức vào thực tế”. Cách dạy - học này ở Trung tâm cho thấy không còn phù hợp với xu hướng hiện nay.

Như vậy, GDQP&AN đã được Đảng, Nhà nước xác định có vị trí hết sức quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân và việc đổi mới PPDH được đề cập trong các Nghị quyết, văn bản pháp luật có liên quan đến “đổi mới giáo dục”, trong đó, việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy được xác định là bước đột phá, để đem lại hiệu quả cao trong giáo dục hiện nay. Tuy nhiên, cho đến

nay chưa có nghiên cứu cụ thể về ứng dụng CNTT trong giảng dạy môn học GDQP&AN tại Trung tâm. Bài viết này có mong muốn chỉ ra sự cần thiết, cũng như thực trạng và đề xuất giải pháp tổ chức triển khai ứng dụng CNTT tại Trung tâm, gắn với việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác GDQP&AN cho SV Đại học Thái Nguyên trong giai đoạn mới.

2. Phương pháp nghiên cứu

Với mục đích đánh giá thực trạng ứng dụng và quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học tại Trung tâm, từ đó, đánh giá những điểm mạnh và hạn chế, làm cơ sở cho việc đề xuất các biện pháp ứng dụng CNTT trong dạy học, nhằm nâng cao chất lượng GDQP&AN cho SV tại Trung tâm trong giai đoạn mới, chúng tôi đã sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, trong đó tập trung vào phương pháp điều tra khảo sát bằng phiếu hỏi.

Để đạt được mục đích khảo sát, chúng tôi tiến hành thiết kế phiếu khảo sát với 02 nhóm khách thể: Cán bộ quản lý (CBQL) (*Ban Giám đốc, Trưởng, Phó các phòng/khoa*) với 12 người và đội ngũ GV với 32 người. Thời gian tiến hành khảo sát là tháng 11/2023.

Kết quả khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS phiên bản 18.0 trong môi trường Window, các phép toán thống kê được sử dụng trong nghiên cứu này là phân tích thống kê mô tả, với thang đánh giá 4 mức độ. Phân loại đánh giá mức độ thực hiện các nội dung được quy đổi ứng với thang đánh giá có điểm thấp nhất là 1 và cao nhất là 4. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng công thức:

$$\bar{X} = \frac{\sum n_i x_i}{n} \quad (1)$$

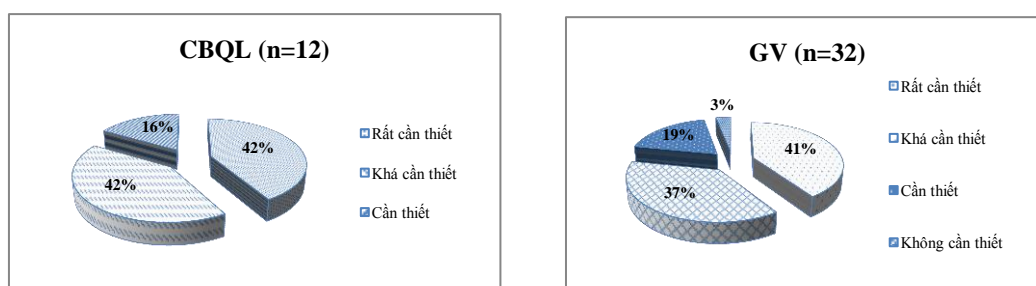
Trong đó: \bar{X} là điểm trung bình cộng; n_i là số người có cùng đánh giá; x_i là mức độ đánh giá (i là số tự nhiên, có giá trị từ 1 đến 4); n là tổng số người tham gia khảo sát.

Từ đây, chúng tôi phân chia mức độ thực hiện các nội dung theo các khoảng giá trị tương ứng 4 mức độ. Do vậy, khoảng phân biệt giữa các mức độ theo công thức $(\text{Max}-\text{Min})/n$ được tính toán là $(4-1)/4 = 0,75$ như sau: Yếu (Từ 1,0 đến dưới 1,75); Trung bình (TB) (Từ 1,75 đến dưới 2,50); Khá (Từ 2,50 đến dưới 3,25); Tốt (Từ 3,25 đến 4,0). Giá trị trung bình là trung bình cộng của các điểm trung bình và được đánh giá theo thang giá trị tương ứng với các mức độ.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT tại Trung tâm

3.1.1. Nhận thức của CBQL, GV về ứng dụng CNTT trong dạy học



Hình 1. Kết quả đánh giá nhận thức của CBQL, GV về mức độ cần thiết của ứng dụng CNTT trong dạy học tại Trung tâm

Quan sát kết quả ở biểu đồ Hình 1 nhận thấy, về cơ bản, CBQL, GV đã có nhận thức đúng về vị trí, vai trò cũng như sự cần thiết của việc ứng dụng CNTT trong dạy học tại Trung tâm. Đây là cơ sở thúc đẩy sự đồng thuận, để triển khai các biện pháp ứng dụng có hiệu quả những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, mà trọng tâm là lĩnh vực CNTT, góp phần đổi mới PPDH, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác GDQP&AN cho SV trong giai đoạn mới.

3.1.2. Kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy học của GV

Bảng 1. Kết quả đánh giá thực trạng kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy học của GV (CBQL = 12; GV = 32)

Nội dung đánh giá	Đối tượng	Tốt		Khá		TB		Không tốt		Điểm TB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Biết thao tác cơ bản vận hành máy vi tính, sử dụng hệ điều hành (Windows).	CBQL	4	33,33	6	50,00	1	8,33	1	8,33	3,08
	GV	12	37,50	15	46,88	3	9,38	2	6,25	3,16
Biết sử dụng phần mềm soạn thảo, phần mềm trình diễn.	CBQL	1	8,33	2	16,67	4	33,33	5	41,67	1,92
	GV	3	9,38	5	15,63	11	34,38	13	40,63	1,94
Biết khai thác mạng, xử lý hình ảnh đa phương tiện.	CBQL	1	8,33	1	8,33	5	41,67	5	41,67	1,83
	GV	3	9,38	6	18,75	10	31,25	13	40,63	1,97
Nhận biết các vấn đề liên quan đến đạo đức và pháp luật khi sử dụng CNTT.	CBQL	6	50,00	5	41,67	1	8,33	0	0,00	3,42
	GV	17	53,13	13	40,63	2	6,25	0	0,00	3,47
Biết xử lý các tình huống công nghệ (về phần cứng) có thể xảy ra khi SV sử dụng.	CBQL	1	8,33	3	25,00	6	50,00	2	16,67	2,25
	GV	2	6,25	9	28,13	16	50,00	5	15,63	2,25
Biết quản lý, chia sẻ dữ liệu qua mạng LAN.	CBQL	2	16,67	2	16,67	5	41,67	3	25,00	2,25
	GV	5	15,63	6	18,75	14	43,75	7	21,88	2,28
Biết xây dựng một website đơn giản.	CBQL	1	8,33	2	16,67	4	33,33	5	41,67	1,92
	GV	3	9,38	4	12,50	11	34,38	14	43,75	1,88
Biết tổ chức và quản lý lớp học online.	CBQL	3	25,00	5	41,67	3	25,00	1	8,33	2,83
	GV	8	25,00	13	40,63	8	25,00	3	9,38	2,81
Giá trị trung bình	CBQL						2,44			
	GV						2,47			

Theo kết quả khảo sát tại Bảng 1, đánh giá của CBQL và GV là khá tương đồng. Mặc dù ở mỗi nội dung có tỷ lệ đánh giá khác nhau và có điểm trung bình khác nhau nhưng nhìn chung kiến thức, kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy học của GV là chưa đồng đều, trong Trung tâm vẫn còn GV đạt ở mức độ “Không tốt”. Vấn đề nghiên cứu đặt ra là cần phải có biện pháp đào tạo, bồi dưỡng cho CBQL và đội ngũ GV cả về kiến thức và kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy học, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đổi mới PPDH cho SV.

3.1.3. Hoạt động ứng dụng CNTT trong giảng dạy của GV

Kết quả ứng dụng CNTT trong giảng dạy của GV ở Bảng 2 cho thấy, hầu hết GV nhận thấy việc ứng dụng CNTT đã hỗ trợ rất nhiều trong dạy học, tuy nhiên do năng lực ứng dụng CNTT của đội ngũ GV còn nhiều hạn chế, chủ yếu mới làm tốt việc soạn thảo văn bản như giáo án, tài liệu, đề thi... do đó, nhìn chung kết quả ứng dụng CNTT trong dạy học ở Trung tâm là chưa được như mong muốn.

Bảng 2. Kết quả ứng dụng CNTT trong dạy học của đội ngũ GV (CBQL = 12; GV = 32)

Nội dung đánh giá	Đối tượng	Tốt		Khá		TB		Không tốt		Điểm TB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Sử dụng Internet trong khai thác, lưu giữ và chia sẻ tài nguyên hỗ trợ hoạt động dạy học.	CBQL	2	16,67	4	33,33	5	41,67	1	8,33	2,58
	GV	4	12,50	13	40,63	11	34,38	4	12,50	2,53
Xây dựng môi trường dạy học đa phương tiện.	CBQL	0	0,00	1	8,33	4	33,33	7	58,33	1,50
	GV	0	0,00	2	6,25	12	37,50	18	56,25	1,50
Sử dụng sách giáo khoa điện tử (E.book).	CBQL	0	0,00	0	0,00	1	8,33	11	91,67	1,08
	GV	0	0,00	0	0,00	3	9,38	29	90,63	1,09
Ứng dụng các phần mềm CNTT trong thiết kế, soạn giáo án.	CBQL	2	16,67	5	41,67	4	33,33	1	8,33	2,67
	GV	8	25,00	14	43,75	8	25,00	2	6,25	2,88
Ứng dụng các phần mềm CNTT trong giờ giảng trên lớp.	CBQL	2	16,67	4	33,33	4	33,33	2	16,67	2,50
	GV	5	15,63	14	43,75	9	28,13	4	12,50	2,63
Ứng dụng các phần mềm CNTT trong dạy học e-learning.	CBQL	0	0,00	2	16,67	6	50,00	4	33,33	1,83
	GV	0	0,00	5	15,63	17	53,13	10	31,25	1,84
Ứng dụng các phần mềm CNTT trong dạy học online.	CBQL	0	0,00	2	16,67	5	41,67	5	41,67	1,75
	GV	0	0,00	5	15,63	16	50,00	11	34,38	1,81
Ứng dụng các phần mềm CNTT trong kiểm tra, đánh giá kết quả.	CBQL	1	8,33	4	33,33	4	33,33	3	25,00	2,25
	GV	0	0,00	9	28,13	13	40,63	10	31,25	1,97
Giá trị trung bình	CBQL						2,02			
	GV						2,03			

3.1.4. Đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị CNTT trong dạy học

Bảng 3. Kết quả đánh giá về việc đảm bảo CSVC, thiết bị CNTT trong dạy học (CBQL = 12; GV = 32)

Nội dung đánh giá	Đối tượng	Đầy đủ		Khá đầy đủ		Không đầy đủ		Thiếu		Điểm TB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Kết nối mạng Internet, hệ thống mạng LAN, mạng không dây (wifi) và hệ thống lưu trữ, máy chủ phục vụ nội bộ	CBQL	3	25,00	5	41,67	3	25,00	1	8,33	2,83
	GV	6	18,75	14	43,75	10	31,25	2	6,25	2,75
Các thiết bị, giải pháp dạy học có tính tương tác cao (Phòng học thông minh)	CBQL	0	0,00	1	8,33	8	66,67	3	25,00	1,83
	GV	0	0,00	1	3,13	22	68,75	9	28,13	1,75
Các thiết bị CNTT phục vụ quản lý, điều hành và giám sát hoạt động dạy học	CBQL	0	0,00	2	16,67	4	33,33	6	50,00	1,67
	GV	0	0,00	4	12,50	12	37,50	16	50,00	1,63
Phòng học chuyên dùng (bộ môn/học phần) có ứng dụng CNTT	CBQL	0	0,00	1	8,33	4	33,33	7	58,33	1,50
	GV	0	0,00	5	15,63	11	34,38	15	46,88	1,63
Các thiết bị, hệ thống các phần mềm CNTT phục vụ thiết kế bài giảng	CBQL	0	0,00	0	0,00	4	33,33	8	66,67	1,33
	GV	0	0,00	0	0,00	13	40,63	19	59,38	1,41
Các thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT trong dạy học trên lớp học	CBQL	3	25,00	3	25,00	5	41,67	1	8,33	2,67
	GV	3	9,38	12	37,50	15	46,88	2	6,25	2,50
Các thiết bị phục vụ ứng dụng CNTT trong dạy học e-learning, online.	CBQL	1	8,33	1	8,33	4	33,33	6	50,00	1,75
	GV	2	6,25	5	15,63	9	28,13	16	50,00	1,78
Phòng máy tính và các thiết bị phục vụ cho kiểm tra, đánh giá kết quả.	CBQL	3	25,00	5	41,67	3	25,00	1	8,33	2,83
	GV	7	21,88	15	46,88	7	21,88	3	9,38	2,81
Giá trị trung bình	CBQL						2,05			
	GV						2,03			

Quan sát Bảng 3 nhận thấy, kết quả đánh giá việc đảm bảo cơ sở vật chất (CSVC), thiết bị CNTT trong dạy học của Trung tâm mới dừng lại ở mức độ trung bình. Ngoài việc đảm bảo phòng máy tính và các thiết bị phục vụ cho kiểm tra, đánh giá kết quả đã được Trung tâm đầu tư, thì công tác đảm bảo CSVC, trang thiết bị dạy học khác với nhiều lý do chưa được đầu tư thỏa đáng. Đề đẩy mạnh và tạo bước đột phá trong việc đổi mới PPDH, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác GDQP&AN cho SV, rất cần có những biện pháp tăng cường CSVC, mua sắm trang thiết bị nhằm đảm bảo cho việc ứng dụng CNTT trong dạy học.

3.1.5. Quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học ở Trung tâm hiện nay

Kết quả khảo sát ở bảng 4 cho thấy, điểm trung bình đánh giá của CBQL và GV ở từng nội dung là khá tương đồng và độ lệch là không lớn, do đó điểm giá trị trung bình của CBQL là 2,05 điểm và của GV là 1,99 điểm, cùng đạt mức độ trung bình trên thang đo.

Bảng 4. Kết quả đánh giá công tác quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học (CBQL = 12; GV = 32)

Nội dung đánh giá	Đối tượng	Tốt		Khá		TB		Không tốt		Điểm TB
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học.	CBQL	2	16,67	7	58,33	2	16,67	1	8,33	2,83
	GV	4	12,50	13	40,63	12	37,50	3	9,38	2,56
Tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức và trình độ ứng dụng CNTT trong dạy học cho đội ngũ CBQL, GV.	CBQL	1	8,33	1	8,33	7	58,33	3	25,00	2,00
	GV	2	6,25	3	9,38	19	59,38	8	25,00	1,97
Quản lý ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học.	CBQL	1	8,33	1	8,33	6	50,00	4	33,33	1,92
	GV	1	3,13	3	9,38	17	53,13	11	34,38	1,81
Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo cho việc ứng dụng CNTT trong dạy học.	CBQL	0	0,00	2	16,67	4	33,33	6	50,00	1,67
	GV	0	0,00	5	15,63	11	34,38	16	50,00	1,66
Kiểm tra, đánh giá kết quả ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học.	CBQL	0	0,00	1	8,33	8	66,67	3	25,00	1,83
	GV	1	3,13	2	6,25	22	68,75	7	21,88	1,91
Giá trị trung bình	CBQL						2,05			
	GV						1,99			

Theo kết quả khảo sát, trong thời gian vừa qua, Trung tâm đã thực hiện việc “*Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học*” ở mức khá, chỉ có dưới 10% số CBQL, GV đánh giá ở mức không tốt.

Đánh giá việc “*Tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức và trình độ ứng dụng CNTT trong dạy học cho đội ngũ CBQL, GV*”, cơ bản cả 2 lực lượng đánh giá là được thực hiện, nhưng ở mức trung bình. Như vậy, là chưa đáp ứng được yêu cầu, nên việc ứng dụng còn hạn chế.

Về việc “*Quản lý ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học*”, CBQL, GV đánh giá bước đầu đã đem lại những kết quả nhất định. Nhưng vẫn có trên 30% số người được hỏi đánh giá là không tốt. Khi hỏi ý kiến trực tiếp, thì được biết nguyên nhân chủ yếu là do thiếu nguồn lực để triển khai, nên công tác quản lý thực hiện ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học còn hạn chế.

Đối với hoạt động “*Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo cho việc ứng dụng CNTT trong dạy học*”, cả hai đối tượng khảo sát đánh giá ở mức thấp, khi có điểm trung bình là 1,67 điểm (CBQL) và 1,66 (GV) điểm. Điều này chứng tỏ Trung tâm có thực hiện, tuy nhiên chưa có quy định cụ thể, rõ ràng và thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn về CNTT để trực tiếp quản lý... nên hiệu quả khai thác, sử dụng và bảo quản là chưa tốt.

Kết quả khảo sát công tác “*Kiểm tra, đánh giá kết quả ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học*” được các đối tượng khảo sát đánh giá ở mức trung bình. Nhìn vào kết quả này nhận thấy, công tác kiểm tra, đánh giá kết quả ứng dụng CNTT trong dạy học ở Trung tâm thực hiện chưa tốt, là nguyên nhân dẫn đến hiệu quả ứng dụng CNTT trong dạy học là chưa cao. Đây được xem là một trong những hạn chế cần được khắc phục kịp thời.

3.2. Một số biện pháp đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong GDQP&AN cho SV tại Trung tâm

Từ kết quả khảo sát thực trạng tại Trung tâm, cùng với kết quả phỏng vấn một số đồng chí là cán bộ chủ chốt của Trung tâm và căn cứ các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu được nêu trong Quyết định của Thủ tướng Chính phủ “*Đẩy mạnh ứng dụng CNTT đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và nghiên cứu khoa học. Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; Phát triển nguồn nhân lực CNTT chuyên trách chất lượng cao; Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm về ứng dụng CNTT trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo...*” [9], chúng tôi đề xuất các biện pháp sau đây:

3.2.1. Nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL, GV về tầm quan trọng của ứng dụng CNTT

Mục tiêu: Giúp đội ngũ CBQL, GV nắm chắc xu hướng của thời đại và quan điểm, đường lối của Đảng, kế hoạch triển khai ứng dụng CNTT của Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thấy được vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng và tính hiệu quả của việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy, để từ đó có quyết tâm, đồng lòng, tự ý thức trách nhiệm và tự sinh nhu cầu thực hiện.

Nội dung và cách thức thực hiện: Nâng cao nhận thức, kiến thức về CNTT trong giảng dạy và bảo đảm CNTT là nội dung quan trọng và cần được tiến hành thường xuyên. Tổ chức tuyên truyền trên các hội nghị, diễn đàn, các đợt tập huấn... về vai trò, ý nghĩa của ứng dụng CNTT trong các hoạt động quản lý và dạy - học, để nâng cao nhận thức cho các đối tượng trong Trung tâm.

Điều kiện thực hiện: Ban giám đốc Trung tâm, các phòng khoa cần nắm chắc và cụ thể hóa các văn bản hướng dẫn, chủ động sáng tạo trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT cho phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Trung tâm; Đối với đội ngũ GV, nghiêm túc thực hiện chủ trương, kế hoạch nhiệm vụ năm học của trung tâm. Đổi mới tư duy, nhận thức được vai trò của ứng dụng CNTT trong giảng dạy.

3.2.2. Bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ GV về việc ứng dụng CNTT

Mục tiêu: Xây dựng đội ngũ CBQL, GV giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, đồng thời có trình độ cơ bản về tin học, có kỹ năng ứng dụng CNTT đáp ứng cho công tác quản lý, dạy và học. Hình thành nguồn nhân lực có trình độ CNTT đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung và PPDH.

Nội dung, cách thức thực hiện: Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về tin học cho CBQL, GV để

ứng dụng CNTT trong dạy và học; trong kiểm tra đánh giá, lưu trữ, tra cứu kết quả môn học và trong công tác quản lý, trao đổi thông tin theo ngành dọc và giữa các trung tâm. Để tổ chức các hoạt động bồi dưỡng ứng dụng CNTT trong dạy học cho GV, cần thực hiện tốt các nội dung sau: Nâng cao nhận thức cho đội ngũ GV và CBQL về tầm quan trọng, sự cần thiết của hoạt động bồi dưỡng; Xác định nhu cầu bồi dưỡng; Xây dựng nội dung, chương trình bồi dưỡng; Chỉ đạo, tổ chức thực hiện kế hoạch bồi dưỡng; Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả công tác bồi dưỡng.

Điều kiện thực hiện: Người lãnh đạo phải có thông tin phản hồi về tiến trình và kết quả thực hiện kế hoạch đang diễn ra. Thường xuyên có mối liên hệ với các trung tâm bạn, đặc biệt là Vụ GDQP&AN để cập nhật các chương trình và tư liệu bồi dưỡng mới về ứng dụng CNTT trong dạy học nhằm trao đổi và học tập lẫn nhau. Phải có đủ đội ngũ GV, chuyên gia đáp ứng các hình thức bồi dưỡng. Đảm bảo kinh phí đầu tư cho hạ tầng CSVC và thiết bị, cho các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của CBQL và GV.

3.2.3. Chỉ đạo ứng dụng CNTT trong giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng GDQP&AN cho SV

Mục tiêu: Xây dựng nội dung và cách thực hiện việc ứng dụng hệ thống các phần mềm trong giảng dạy nhằm đổi mới PPDH, góp phần nâng cao chất lượng công tác GDQP&AN cho SV ở Trung tâm trong giai đoạn mới.

Nội dung, cách thức thực hiện: Chỉ đạo ứng dụng các phần mềm trong hoạt động thiết kế bài giảng của GV. Kiểm tra, đánh giá kết quả ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học. Chỉ đạo việc sử dụng các thiết bị công nghệ, phòng học đa phương tiện theo định hướng đổi mới PPDH như: Xác định phương hướng ứng dụng CNTT; Phân cấp trách nhiệm bảo đảm và kiểm soát chất lượng ứng dụng CNTT của trung tâm, tổ bộ môn/khoa và từng GV trong dạy học; Tổ chức thiết kế bài giảng có ứng dụng CNTT, tổ chức thao giảng một số giờ giảng mẫu ở tổ bộ môn để dự giờ và trao đổi, rút kinh nghiệm, tìm ra những tiêu chí, tiêu chuẩn cơ bản của một giờ dạy có ứng dụng CNTT; Trong năm học, có kế hoạch tổ chức dự giờ định kỳ, cũng như đột xuất đối với giờ giảng có ứng dụng CNTT; Hàng năm, tổ chức hội giảng chuyên đề “*Ứng dụng CNTT trong đổi mới PPDH*” để đội ngũ GV có dịp thể hiện năng lực ứng dụng CNTT và có cơ hội để trao đổi, học tập kinh nghiệm lẫn nhau.

Điều kiện thực hiện: Thường xuyên cập nhật những thay đổi, tiến bộ mới về khoa học kỹ thuật, về ứng dụng CNTT để triển khai kịp thời. Ban hành các quy chuẩn, các tiêu chí để đánh giá giờ dạy có ứng dụng CNTT. Xây dựng các quy chế kiểm tra đánh giá, thi đua, khen thưởng việc ứng dụng CNTT trong dạy học của GV.

3.2.4. Đảm bảo các điều kiện về CSVC cần thiết cho việc ứng dụng CNTT trong GDQP&AN

Mục tiêu: Tăng cường CSVC, từng bước nâng cao điều kiện dạy và học đáp ứng nhu cầu đổi mới chương trình và phương pháp giảng dạy. Tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở hạ tầng kỹ thuật CNTT, để GV và người học được hưởng những tiện ích mà CNTT mang lại. Tăng cường công tác quản lý theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập.

Nội dung và cách thức thực hiện: Căn cứ vào tình hình thực tế của trung tâm, xây dựng kế hoạch từng giai đoạn và kế hoạch hàng năm về hạ tầng CNTT. Ưu tiên đầu tư thiết bị CNTT để phục vụ cho hoạt động dạy - học, xem đây là sự đầu tư quan trọng hàng đầu, để đảm bảo cho hoạt động dạy - học được hiệu quả. Tổ chức tập huấn cho GV về tính năng, tác dụng của các thiết bị dạy học hiện đại. Giám sát chặt chẽ việc sử dụng các thiết bị dạy học, tránh lạm dụng những thiết bị này trong dạy học. Trung tâm cần gắn việc trang bị với nội quy, quy định việc sử dụng trang thiết bị, để nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi tập thể và cá nhân. Có các quy định cụ thể về việc sử dụng và bảo quản thiết bị CNTT. Xây dựng các quy trình sử dụng, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng các trang thiết bị, để hạn chế tối đa sự xuống cấp và lãng phí.

Điều kiện thực hiện: CBQL các cấp cần có sự ưu tiên đầu tư CSVC; dành nguồn ngân sách đầu tư hạ tầng CNTT; sử dụng hiệu quả ngân sách và huy động các nguồn kinh phí để đảm bảo đủ điều kiện ứng dụng CNTT.

3.2.5. Tăng cường kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT trong GDQP&AN ở Trung tâm

Mục tiêu: Nhằm thu thập thông tin làm cơ sở cho công tác đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch của tập thể, cá nhân để tìm ra những hạn chế, bất cập và thiếu sót trong quá trình tổ chức, thực hiện, từ đó kịp thời đưa ra biện pháp cải tiến nhằm khắc phục hạn chế, phát huy các mặt mạnh trong quá trình quản lý việc ứng dụng CNTT trong dạy học. Quá trình kiểm tra, đánh giá thúc đẩy và tạo động lực cho tập thể, cá nhân tham gia ứng dụng CNTT trong dạy học.

Nội dung và cách thức thực hiện: Trung tâm thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách về ứng dụng CNTT trong dạy học, cũng như quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học. Biểu dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích tiêu biểu, đồng thời nhắc nhở, kiểm điểm các tổ chức, cá nhân chưa hoàn thành tốt nhiệm vụ ứng dụng CNTT trong dạy - học, trong kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học. CBQL căn cứ vào các tiêu chí đánh giá trong kế hoạch đề ban hành, phổ biến tới các cấp quản lý trong Trung tâm. Các tiêu chí đánh giá gồm: Đối tượng đánh giá, tiêu chuẩn đánh giá, phương pháp đánh giá, phân tích kết quả. Trong quá trình thực hiện kiểm tra, đánh giá, CBQL cần thực sự nghiêm minh, đánh giá đúng nội dung... về tình hình thực tiễn một cách khách quan.

Điều kiện thực hiện biện pháp: Cần có văn bản pháp lý quy định việc kiểm tra, đánh giá của các cấp về công tác thực hiện ứng dụng CNTT trong trung tâm. Cần có tiêu chí, thước đo các mức độ thực hiện ứng dụng CNTT trong dạy học nói riêng và trong các hoạt động của trung tâm nói chung để tạo điều kiện thuận lợi cho CBQL trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Kết luận

Ứng dụng CNTT trong dạy học ở Trung tâm có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao chất lượng GDQP&AN cho SV. Đa số CBQL và GV có nhận thức tốt về tính cần thiết phải ứng dụng CNTT trong dạy học. Trung tâm đã quan tâm, đầu tư trang bị CSVC, thiết bị CNTT. Tuy nhiên, trình độ ứng dụng CNTT trong dạy học của đa số GV mới đạt mức tối thiểu. Phòng học đa phương tiện và kho dữ liệu điện tử về môn học vẫn chưa được quan tâm đầu tư. Công tác kiểm tra, đánh giá việc ứng dụng CNTT tại Trung tâm chưa thường xuyên, sau kiểm tra chưa có các biện pháp khắc phục những tồn tại.

Từ những đánh giá thực trạng ứng dụng CNTT trong dạy học ở Trung tâm, chúng tôi đã đề xuất 5 biện pháp, nhằm nâng cao khả năng ứng dụng CNTT trong dạy học ở Trung tâm trong giai đoạn mới. Để đạt được hiệu quả cao, đội ngũ CBQL của Trung tâm cần bám sát sự phát triển của khoa học công nghệ và xu thế dạy học hiện đại. Khi triển khai cần chú ý sự thống nhất và tính đồng bộ, có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu và sẽ từng bước nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng CNTT trong dạy học, góp phần nâng cao chất lượng công tác GDQP&AN cho SV tại Trung tâm trong giai đoạn mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Central Executive Committee of the Communist Party of Vietnam, *Resolution No. 29-NQ/TW, dated November 4, 2013, on fundamental and comprehensive innovation of education and training, meeting the requirements of industrialization and modernization in market-oriented economic conditions socialism and international integration*, 2013.
- [2] T. H. O. Nguyen, "Some educational innovation solutions in Vietnam to meet the needs of digital human resource training," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 228, no. 12, pp. 72-80, 2023.
- [3] T. V. Dinh, T. H. Nguyen, and T. A. Hoang, "Data-based decision making, quality assurance mechanisms in the context of digital transformation of higher education," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 228, no. 12, pp. 230-238, 2023.
- [4] D. Tavangarian, M. E. Leybold, K. Nölting, and M. Röser, "Is E-Learning the solution for individual learning," *Electronic Journal of E-Learning*, vol. 2, no. 2, pp. 273-280, 2004.
- [5] M. H. Nguyen, "Learning ecosystem - Learning ecosystem seen from theory connection learning and systems theory," *Journal of Science, Hanoi National University of Education*, vol. 58, no. 4, pp. 34-44, 2013.

-
- [6] D. N. Nguyen and T. P. T. Pham, "Solutions to improve training quality at universities in the context of digital transformation," *TNU Journal of Science and Technology*, vol. 227, no. 13, pp. 41-49, 2022.
- [7] Vietnam Prime Minister, *Decision No. 689/QĐ-TTg dated May 20, 2015, Approving the project to apply information technology in defense and security education*, 2015.
- [8] B. N. Tran, "Promoting the application of information technology in teaching defense and security education at An Giang University," *Scientific Magazine - Dong Nai University*, no. 22, pp. 41-51, 2022.
- [9] Vietnam Prime Minister, *Decision No. 117/QĐ-TTg dated November 25, 2017 on Approving the Project "Strengthening the application of information technology in management and support of teaching - learning and scientific research activities contributing to improving the quality of education and training in the period 2016 - 2020, oriented to 2025"*, 2017.